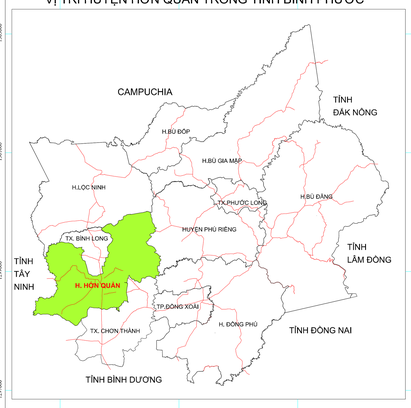
BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

HUYỆN HỚN QUẢN - TỈNH BÌNH PHƯỚC

VỊ TRÍ HUYỆN HỚN QUẢN TRONG TỈNH BÌNH PHƯỚC



HUYỆN LỘC NINH

THỊ XÃ BÌNH LONG

HUYỆN LỘC NINH

XÃ AN PHÚ

XÃ MINH TÂM

XÃ AN KHƯƠNG

XÃ THANH AN

HUYỆN PHÚ RIỀNG

THỊ XÃ BÌNH LONG

XÃ TÂN LỢI

XÃ TÂN HƯNG

XÃ PHƯỚC AN

H. ĐỒNG PHÚ

TỈNH TÂY NINH

XÃ THANH BÌNH

XÃ MINH ĐỨC

XÃ TÂN QUAN

TT. TÂN KHAI

HUYỆN CHƠN THÀNH

XÃ ĐỒNG NƠ

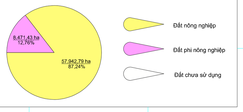
XÃ TÂN HIỆP

HUYỆN CHƠN THÀNH

TỈNH BÌNH DƯƠNG

DIỆN TÍCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025

(Tổng diện tích tự nhiên 66.414,22 ha)



CHỦ DẪN

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	KÝ HIỆU KẾ HOẠCH	TÊN KÝ HIỆU
LUC	Mã HT (LUC)	Mã HT (LUC)	Đất chuyên trồng lúa
LUK	Mã HT (LUK)	Mã HT (LUK)	Đất trồng lúa còn lại
HNK	Mã HT (HNK)	Mã HT (HNK)	Đất trồng cây hằng năm khác
CLN	Mã HT (CLN)	Mã HT (CLN)	Đất trồng cây lâu năm
RPH	Mã HT (RPH)	Mã HT (RPH)	Đất rừng phòng hộ
RSX	Mã HT (RSX)	Mã HT (RSX)	Đất rừng sản xuất
RSN	Mã HT (RSN)	Mã HT (RSN)	Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên
NTS	Mã HT (NTS)	Mã HT (NTS)	Đất nuôi trồng thủy sản
		Mã HT (NKH)	Đất chăn nuôi tập trung
NKH	Mã HT (NKH)	Mã HT (NKH)	Đất rông nghiệp khác
ONT	Mã HT (ONT)	Mã HT (ONT)	Đất ở tại nông thôn
ODT	Mã HT (ODT)	Mã HT (ODT)	Đất ở tại đô thị
TSC	Mã HT (TSC)	Mã HT (TSC)	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
CQP	Mã HT (CQP)	Mã HT (CQP)	Đất quốc phòng
CAN	Mã HT (CAN)	Mã HT (CAN)	Đất an ninh
DVH	Mã HT (DVH)	Mã HT (DVH)	Đất XD cơ sở văn hóa
DXH	Mã HT (DXH)	Mã HT (DXH)	Đất XD cơ sở xã hội
DYT	Mã HT (DYT)	Mã HT (DYT)	Đất XD cơ sở y tế
DGD	Mã HT (DGD)	Mã HT (DGD)	Đất XD cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	Mã HT (DTT)	Mã HT (DTT)	Đất XD cơ sở thể dục, thể thao
		Mã HT (DKH)	Đất XD cơ sở khoa học và công nghệ
		Mã HT (DMT)	Đất XD cơ sở môi trường
		Mã HT (DKT)	Đất XD cơ sở khí tượng thủy văn
DNG	Mã HT (DNG)	Mã HT (DNG)	Đất XD cơ sở ngoại giao
		Mã HT (DTC)	Đất XD công trình sự nghiệp khác
SKK	Mã HT (SKK)	Mã HT (SKK)	Đất khu công nghiệp
SKN	Mã HT (SKN)	Mã HT (SKN)	Đất cụm công nghiệp
		Mã HT (TMD)	Đất khu CNTT tập trung
TMD	Mã HT (TMD)	Mã HT (TMD)	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	Mã HT (SKC)	Mã HT (SKC)	Đất CSSX phi nông nghiệp
SKS	Mã HT (SKS)	Mã HT (SKS)	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
SKX	Mã HT (SKX)	Mã HT (SKX)	Đất cơ sở sản xuất VLXD, làm đồ gốm
DGT	Mã HT (DGT)	Mã HT (DGT)	Đất công trình giao thông
DTL	Mã HT (DTL)	Mã HT (DTL)	Đất công trình thủy lợi
		Mã HT (DTL)	Đất công trình cấp nước, thoát nước
		Mã HT (DNL)	Đất công trình phòng, chống thiên tai
DDD	Mã HT (DDD)	Mã HT (DDD)	Đất có di tích LSVH, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên
DRA	Mã HT (DRA)	Mã HT (DRA)	Đất công trình xử lý chất thải
DNL	Mã HT (DNL)	Mã HT (DNL)	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng
DBV	Mã HT (DBV)	Mã HT (DBV)	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin
DCH	Mã HT (DCH)	Mã HT (DCH)	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối
DKV	Mã HT (DKV)	Mã HT (DKV)	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng
DSH	Mã HT (DSH)	Mã HT (DSH)	Đất sinh hoạt cộng đồng
TON	Mã HT (TON)	Mã HT (TON)	Đất tôn giáo
TIN	Mã HT (TIN)	Mã HT (TIN)	Đất tín ngưỡng
NTD	Mã HT (NTD)	Mã HT (NTD)	Đất nghĩa trang, NTL, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt
MNC	Mã HT (MNC)	Mã HT (MNC)	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá
SON	Mã HT (SON)	Mã HT (SON)	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối
PNK	Mã HT (PNK)	Mã HT (PNK)	Đất phi nông nghiệp khác

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN HỚN QUẢN
Bình Phước, ngày tháng năm 2025	*Hớn Quản, ngày tháng năm 2025*	*Hớn Quản, ngày tháng năm 2025*
GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	TRƯỞNG PHÒNG

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	TÊN KÝ HIỆU
	Trụ sở UBND huyện
	Trụ sở UBND xã, thị trấn
	Ranh giới hành chính tỉnh
	Ranh giới hành chính huyện, thị xã
	Ranh giới hành chính xã, thị trấn
	Bình độ cơ bản
	Bình độ cái

KÝ HIỆU PHỤ

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	TÊN KÝ HIỆU
		Trường học
		Bệnh viện, trạm y tế
		Bưu điện
		Đình, Chùa, Miếu
		Nhà thờ
		Sân vận động
		Đường giao thông
		Sông suối, ao, hồ
		Đường điện
		Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch
		- 2025: năm kế hoạch
		- 0.21: Diện tích thực hiện trong năm lịch

NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
- Loại đất kế hoạch theo Luật Đất đai 2024
- Các tài liệu, sơ đồ, pháp lý, GCN các công trình, dự án,..v..v

TỶ LỆ 1: 25. 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG